

单级式减压器 / Single Stage Pressure Regulator

VSR-50UC 系列

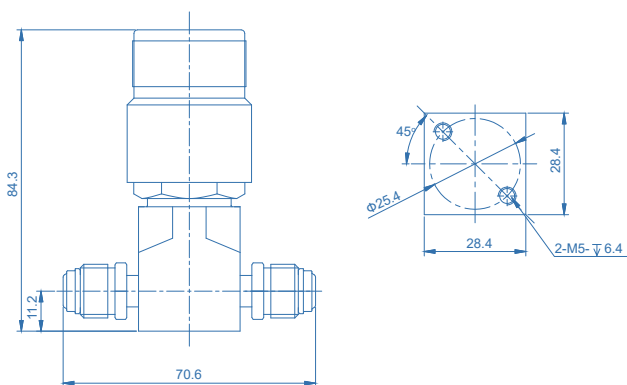
VIGOUR

产品特点

- 单级式减压器
- 表面光洁度 10 μ in. Ra Average
(10 μ in. Ra Max / 7 μ in. Ra Max / 5 μ in. Ra Max 可选)
- 内部体积小, 吹扫时间短
- 使用材质符合 ASTM A479 / A484 / A276 标准
- 流量: 15 slpm (标准), 30 slpm (HF选项)
- 100%氦气泄漏检测



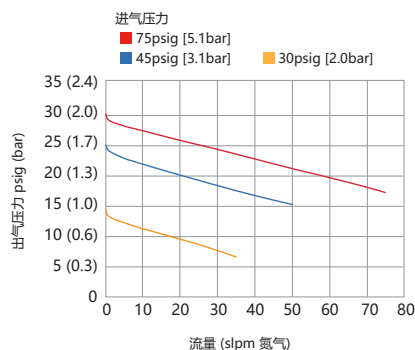
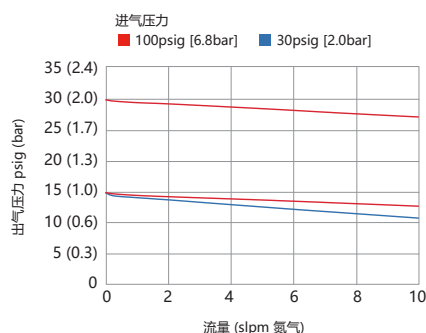
产品尺寸 (mm)



技术参数

类型:	单级式减压
进气压力 P1:	150 psig (10bar)
出气压力 P2:	Vac to 10/30/60/100 psig (0.7/2/4/7bar)
表面光洁度:	10 μ in Ra (7 μ in Ra Max. / 5 μ in Ra Max. 可选)
材质	
母体:	详见订购参数
阀座:	PCTFE (Vespel® 可选)
膜片:	C276 镍钼铬合金
进/出气连接:	详见订购参数
温度适用:	-40°F to +160°F (-40°C to +71°C)
泄漏率:	<1x10 ⁻⁹ mbar-L/s He (外部) <1x10 ⁻⁸ mbar-L/s He (内部)
流量参数:	Cv=0.06 (Cv=0.1 可选)
供压效应:	Cv=0.06 进气压力每下降20 psig 出气压力上升0.2 psig; Cv=0.1 进气压力每下降20 psig 出气压力上升0.4 psig
重量:	约 0.5kg (取决于连接或选项)

流量图



订购参数



进/出气连接

FV4: 1/4" VFS 内螺纹
MV4: 1/4" VFS 外螺纹

TW4: 1/4" 焊接接管

* 其它连接标准, 请咨询生产商。

接口形式选择

VSR - 50UC SLV - 10 - 7 - 2P - 1 - 2 - R5 - HF - VS - P

材质

SLV: 316L 二次熔炼 本体
SHP: 316L 本体和喷嘴
C22镍钼铬合金 阀杆

*所有选项里的膜片材质均为 C276镍钼铬合金。

进气压力

10: 150 psig

母体孔位

2P: 2 孔

出气压力

V0.7: Vac to 10 psig *

V2: Vac to 30 psig

V4: Vac to 60 psig

V7: Vac to 100 psig

0.7: to 10 psig *

2: to 30 psig

4: to 60 psig

7: to 100 psig

* 带V选项均不可调节负压,
仅由压力表显示负压。

工艺规范

P: VS001A

* 详情请参阅附录。

阀座选项

空白: PCTFE

VS: Vespel®

Cv 选项

空白: Cv=0.06

HF: Cv=0.1

表面光洁度

空白: 10 μin Ra Max.

R7: 7 μin Ra Max.

R5: 5 μin Ra Max.

订购举例

VSR - 50UCSLV - 10 - 7 - 2P - FV4 - FV4

1 - 2

